

Bản án: 1182/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-9-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai
2. Ông Nguyễn Công Lý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thu Hoài - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 795/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thúy Phương D, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Số A Đường B, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số A Đường B, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/6/2019 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn là Bà Nguyễn Thúy Phương D:

Bà Nguyễn Thúy Phương D và Ông Nguyễn Hữu V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Gò Vấp vào ngày 24/10/2003. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn và có hai người con chung tên Nguyễn Thúy Phương U, sinh ngày 20/4/2005 và Nguyễn Thúy Phương T, sinh

ngày 26/6/2012. Từ năm 2018, thì giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xô xát. Hai bên gia đình nội ngoại can ngăn, hòa giải nhiều lần nhưng Bà D, Ông V không thể hàn gắn. Bà Nguyễn Thúy Phương D xác định không còn tình cảm với Ông V. Vợ chồng đã sống ly thân. Đời sống chung không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, Bà Nguyễn Thúy Phương D yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà D được ly hôn với Ông Nguyễn Hữu V.

- Về con chung: Trước đây, Bà Nguyễn Thúy Phương D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung; yêu cầu Ông Nguyễn Hữu V cấp dưỡng nuôi hai (02) con mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi. Nhưng tại biên bản hòa giải ngày 14/8/2019, Bà D xác định trường hợp hai bên thỏa thuận ly hôn Ông V trực tiếp nuôi hai con, Bà D cấp dưỡng mỗi tháng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); là 3.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thúy Phương D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung.

Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn là Ông Nguyễn Hữu V: Ông Nguyễn Hữu V giữ nguyên quan điểm không muốn ly hôn, vì như vậy sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của hai con chung. Ông V cho rằng, những mâu thuẫn trước đây là không gay gắt, tình cảm của Bà D và Ông V có thể hàn gắn được. Nên Ông V không đồng ý ly hôn với Bà Nguyễn Thúy Phương D.

- Về con chung: Trong trường hợp Bà D cương quyết ly hôn, Ông V đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và đồng ý Bà D cấp dưỡng mỗi tháng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); là 3.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu V xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thúy Phương D vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà D ly hôn với Ông V; Bà D đồng ý giao hai (02) con chung tên Nguyễn Thúy Phương U, sinh ngày 20/4/2005 và Nguyễn Thúy Phương T, sinh ngày 26/6/2012 cho Ông Nguyễn Hữu V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Bà D cấp dưỡng nuôi hai (02) con mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); là 3.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Hữu V giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn với Bà Nguyễn Thúy Phương D; về con chung: Trong trường hợp Bà D cương quyết ly hôn, Ông V đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và đồng ý Bà D cấp dưỡng mỗi tháng là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); là 3.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu V xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này; thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy Phương D được ly hôn với Ông Nguyễn Hữu V.

- Về con chung: Giao hai (02) con chung tên giao hai (02) con chung tên Nguyễn Thúy Phương U, sinh ngày 20/4/2005 và Nguyễn Thúy Phương T, sinh ngày 26/6/2012 cho Ông Nguyễn Hữu V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Bà D cấp dưỡng nuôi hai (02) con mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); là 3.000.000 đồng/con/tháng.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thúy Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thúy Phương D đối với Ông Nguyễn Hữu V là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình; Ông Nguyễn Hữu V có hộ khẩu thường trú tại số Số A Đường B, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số: 77, quyền số: 1/2003 ngày 24/10/2003 tại Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; thể hiện hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thúy Phương D và Ông Nguyễn Hữu V là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.1 Đối với yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thúy Phương D:

Hội đồng xét xử thấy vợ chồng Bà D, Ông V sau một thời gian chung sống với nhau luôn bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, không có hạnh phúc. Bà Nguyễn Thúy Phương D đã tạo điều kiện để hai bên hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Qua quá trình hòa giải, Tòa án đã nhiều lần tạo cơ hội để Ông V trình bày nguyện vọng và tình cảm với Bà D, nhưng Ông V chỉ im lặng, Bà D cương quyết ly hôn. Qua đó, nhận thấy mục đích của hôn nhân giữa Bà D, Ông V không đạt được, tình cảm của Bà D đã hết. Vì vậy, không cần thiết phải kéo dài thêm cuộc sống vợ chồng.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của Bà D là phù hợp với quy định tại Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thúy Phương D đối với Ông Nguyễn Hữu V.

2.2 Về con chung: Hội đồng xét xử xác định Bà Nguyễn Thúy Phương D và Ông Nguyễn Hữu V có hai (02) người con chung.

Căn cứ vào giấy khai sinh số: 106, quyền số: 01/2005 ngày 04/5/2005 của Ủy ban nhân dân Phường 05, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh của Nguyễn Thúy Phương U, sinh ngày 20/4/2005.

Căn cứ vào giấy khai sinh số: 141, quyền số: 01/2012 ngày 16/7/2012 của Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh của Nguyễn Thúy Phương T, sinh ngày 26/6/2012.

Xét về tuổi và nguyện vọng của hai (02) trẻ gồm: Nguyễn Thúy Phương

U, sinh ngày 20/4/2005 hiện 14 (mười bốn) tuổi và Nguyễn Thúy Phương T, sinh ngày 26/6/2012 hiện 07 (bảy) tuổi; Bà D đồng ý và Ông V có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai (02) con, Bà D cấp dưỡng nuôi hai (02) con mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); là 3.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, cần thiết giao hai (02) con chung tên Nguyễn Thúy Phương U, sinh ngày 20/4/2005 và Nguyễn Thúy Phương T, sinh ngày 26/6/2012 cho Ông Nguyễn Hữu V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thúy Phương D cấp dưỡng nuôi hai (02) con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); là 3.000.000 đồng/con/tháng bắt đầu kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi là có cơ sở và phù hợp với các quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình.

Bà Nguyễn Thúy Phương D được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không bị ai cản trở. Ông Nguyễn Hữu V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Bà D; nếu Bà D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thúy Phương D và Ông Nguyễn Hữu V cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng không xem xét giải quyết trong vụ án này.

2.4 Về án phí: Bà Nguyễn Thúy Phương D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thúy Phương D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thúy Phương D được ly hôn với Ông Nguyễn Hữu V. Giấy chứng nhận kết hôn số: 77, quyển số: 1/2003 ngày 24/10/2003 tại Ủy ban nhân dân Phường 13, quận Gò Vấp hết hiệu lực.

2. Về con chung: Giao giao hai (02) con chung tên Nguyễn Thúy Phương U, sinh ngày 20/4/2005 và Nguyễn Thúy Phương T, sinh ngày 26/6/2012 cho Ông Nguyễn Hữu V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thúy Phương D cấp dưỡng nuôi hai (02) con chung mỗi tháng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); là 3.000.000 đồng/con/tháng bắt đầu kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con lần lượt tròn 18 tuổi là có cơ sở và phù hợp với các quy định của pháp luật về Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thúy Phương D được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không bị ai cản trở. Ông Nguyễn Hữu V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của Bà D; nếu Bà D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thúy Phương D và Ông Nguyễn Hữu V cùng xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4 Về án phí: Bà Nguyễn Thúy Phương D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm

đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng cần trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), Bà D đã đóng theo biên lai thu số AA/2018/0000991 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà Nguyễn Thúy Phương D còn nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi Cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- UBND Phường 13, quận Gò Vấp;
- Lưu: VP; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Phong

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Phong